TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2019
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**
2. Ông **Nguyễn Đinh Cường**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Đặng Thúy Nga**, là Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018. Về việc: Tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST –HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ái T**, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **Hồ Duy T**, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn chị Nguyễn Ái T trình bày: Vào năm 2009, chị và anh T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh V ngày 21 tháng 12 năm 2010. Chị T cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng vài năm, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt và mỗi khi nhậu say thì anh T kiếm chuyện đánh đập vợ con. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Chị T xác định hiện nay tình

cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Duy T.

Về nuôi con chung chị T xác định chị và anh T có hai người con chung là cháu Hồ Duy T, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2012 và Hồ Minh T, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2014 và hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hồ Minh T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu Hồ Duy T cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung chị T xác định chị và anh T có tài sản chung là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 64G1 – 250.12, giá trị 40.000.000 đồng. Khi ly hôn chị T yêu cầu chia đôi và xin được nhận bằng hiện vật.

Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không được các ngày 03/01/2019 và ngày 21/01/2019 chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Về nuôi con chung chị T đồng ý giao hai cháu Hồ Duy T và Hồ Minh T cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung chị T rút yêu cầu chia chiếc xe mô tô biển số 64G1 – 250.12

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã cung cấp cho Tòa án Trích lục kết hôn số: 182/TLKH-BS ngày 19 tháng 9 năm 2018 (Bản sao) và 02 Trích lục khai sinh mang tên Hồ Duy T và Hồ Minh T (Bản sao).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn anh T biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị T. Nhưng anh T không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 03 tháng 01 năm 2019; ngày 21 tháng 01 năm 2019; phiên tòa ngày 25 tháng 02 năm 2019 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh V. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh T đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị T và anh T kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh V ngày 21 tháng 12 năm 2010. Vì vậy hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp.

Xét; việc chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt và mỗi khi nhậu say thì anh T kiếm chuyện đánh đập vợ con . Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trâm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hơn nữa, hiện nay chị T xác định chị không còn tình cảm với anh T và hai người đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét; Từ khi chị T và anh T ly thân đến nay thì hai cháu Hồ Duy T và Hồ Minh T do anh T nuôi dưỡng, các cháu vẫn sống, phát triển và trưởng thành bình thường. Vì vậy, xét việc chị T đồng ý giao hai cháu Hồ Duy T và Hồ Minh T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Xét; việc chị T rút yêu cầu chia chiếc xe mô tô biển số 64G1 – 250.12 là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ái T và anh Hồ Duy T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (Hai) cháu Hồ Duy T, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2012 và Hồ Minh T, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2014 cho anh Hồ Duy T nuôi dưỡng, chị Nguyễn Ái T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Ái T có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết việc chị Nguyễn Ái T yêu cầu chia chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 64G1 – 250.12.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ái T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0006681; 0006682 cùng ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, như vậy chị Nguyễn Ái T được nhận lại số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hh án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh V;
-VKSND huyện M;
- Chi cụcTHADS huyện M;
- UBND xã B;
- Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)

Trương Tấn Đồng